

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2016/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 9 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về chế độ, chính sách và phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách bảo đảm
cho lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 133/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định việc phối hợp của Dân quân tự vệ với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 102/2010/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BNV- BTC ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ và việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách cho công tác dân quân tự vệ;

Xét Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chế độ, chính sách và phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách bảo đảm cho lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chế độ, chính sách và phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách cho lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Lực lượng dân quân tự vệ;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Chế độ, chính sách đối với dân quân

1. Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã được hưởng chế độ tiền ăn trong thời gian đào tạo, tập huấn, huấn luyện bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sĩ bộ binh trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Thôn đội trưởng và Tổ đội trưởng được hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng bằng 0,5 mức lương cơ sở.

3. Chế độ, chính sách đối với dân quân, trừ dân quân biển và dân quân thường trực:

a) Được trợ cấp ngày công lao động bằng hệ số 0,08 mức lương cơ sở;

b) Khi làm nhiệm vụ cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hằng ngày thì được bố trí nơi nghỉ, hỗ trợ phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu, xe một lần đi, về theo chế độ công tác phí như công chức cấp xã; được hỗ trợ tiền ăn bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sĩ bộ binh trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

c) Dân quân nòng cốt đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, nếu được tiếp tục kéo dài thời hạn tham gia nghĩa vụ thì ngoài chế độ theo quy định chung, khi huy động làm nhiệm vụ được hưởng trợ cấp ngày công lao động tăng thêm bằng hệ số 0,04 mức lương cơ sở.

Điều 3. Phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách bảo đảm cho lực lượng dân quân tự vệ

1. Ngân sách cấp tỉnh chi:

a) Mua văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, sổ sách thống kê đăng ký, quản lý, tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động của dân quân tự vệ và tuyên truyền pháp luật về dân quân tự vệ;

b) Bảo đảm chế độ phụ cấp hàng tháng cho Thôn đội trưởng, Tổ đội trưởng; phụ cấp trách nhiệm và phụ cấp thâm niên, phụ cấp đặc thù theo quy định;

c) Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ dân quân tự vệ;

d) Đào tạo cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cấp xã;

đ) Bảo đảm cho các đơn vị dân quân thường trực, chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ dân quân thường trực;

e) Bảo đảm cho lực lượng dân quân biển theo quy định tại Điều 48 Luật Dân quân tự vệ;

g) Mua sắm trang phục của cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ nòng cốt theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ;

h) Trợ cấp ngày công, tiền ăn và các chi phí hoạt động của dân quân được huy động, điều động làm nhiệm vụ theo quy định tại Điều 44 Luật Dân quân tự vệ;

i) Bảo đảm cơ sở vật chất cho việc thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, quân sự, tập huấn, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập, hoạt động thông tin tuyên truyền, hoạt động ngày truyền thống của dân quân tự vệ do cấp tỉnh tổ chức;

k) Xây dựng mới, sửa chữa nâng cấp trang thiết bị, điện, nước nơi ở của các đơn vị dân quân thường trực; nhà làm việc của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, thao trường huấn luyện, diễn tập;

l) Bảo đảm chế độ, chính sách cho dân quân bị tai nạn, bị chết theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ;

m) Vận chuyển, sửa chữa, bảo quản trang bị, vũ khí, đầu tư sản xuất vũ khí tự tạo;

n) Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền về công tác dân quân tự vệ;

o) Các khoản chi khác cho dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật;

2. Ngân sách cấp huyện chi:

a) Mua văn phòng phẩm, phục vụ đăng ký, quản lý tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động của dân quân tự vệ thuộc quyền và tuyên truyền pháp luật về dân quân tự vệ, hoạt động ngày truyền thống dân quân tự vệ;

b) Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ dân quân tự vệ thuộc quyền quản lý;

c) Trợ cấp ngày công tiền ăn và các chi phí khác cho dân quân tự vệ nông cốt trong thời gian tham gia làm nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập, hội thao, hội thi, hoạt động tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn theo quy định tại Điều 8 Luật Dân quân tự vệ và theo thẩm quyền điều động làm nhiệm vụ quy định tại Điều 44 Luật Dân quân tự vệ;

d) Bảo đảm cơ sở vật chất, thao trường huấn luyện dân quân tự vệ cho việc thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, quân sự, tập huấn, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập do cấp huyện tổ chức;

đ) Bảo đảm chế độ, chính sách cho dân quân bị ốm, bị chết theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ;

e) Bảo đảm trụ sở hoặc phòng làm việc, trang thiết bị chuyên ngành quân sự của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và công cụ hỗ trợ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ;

g) Tổ chức thanh tra, kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền về công tác dân quân tự vệ;

h) Các khoản chi khác cho dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật.

3. Ngân sách cấp xã chi:

a) Mua văn phòng phẩm, phục vụ đăng ký, quản lý tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động của dân quân tự vệ thuộc quyền và tuyên truyền pháp luật về dân quân tự vệ, hoạt động ngày truyền thống dân quân tự vệ;

b) Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên ngành, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho đối tượng cấp xã;

c) Trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn và chi phí khác cho lực lượng dân quân tại chỗ trong thời gian thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, hội thao, hội thi, diễn tập, hoạt động theo quy định tại Điều 8 Luật Dân quân tự vệ và theo thẩm quyền điều động làm nhiệm vụ quy định tại Điều 44 Luật Dân quân tự vệ;

d) Bảo đảm cơ sở vật chất cho việc bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, quân sự, tập huấn, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập, hoạt động thông tin tuyên truyền, ngày truyền thống của dân quân tự vệ do cấp xã tổ chức;

đ) Tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền về công tác dân quân tự vệ;

e) Các khoản chi khác cho dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khoá XII, kỳ họp thứ 3, thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân